TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ B
TỈNH T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số:20/2022/HS- ST
Ngày 16- 3- 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tống Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Hải

Ông Nguyễn Quốc Sáu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh T tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ái Liên - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:12/2022/TLST- HS ngày 28 tháng 02 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:14/2022/ QĐXXST-HS ngày 01/3/2022 đối với bị cáo:

Họ tên: **Trần Thị M**; Sinh năm 1969; Nơi sinh: Huyện Hậu Lộc, tỉnh T; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: SN 200 đường Trần Phú, Thôn C, phường L, thị xã B, tỉnh T; Nghề nghiệp: hưu trí;Trình độ văn hóa: 10/10; Dân tộc: kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Ngọc V(đã chết);Con bà: Nguyễn Thị C(đã chết); Chồng: Nguyễn Công X (đã chết); Bị cáo có 01 con sinh năm 1992; Tiền án; không; Tiền sự: không; Nhân thân:

Ngày 25/01/2016 bị Công an phường L, thị xã B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi" Bán số đề trái phép". Trần Thị M đã chấp hành nộp phạt

Ngày 25/12/2016 bị Công an phường L, thị xã B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi" Bán số đề trái phép".

Ngày 31/01/2018 bị Công an phường L, thị xã B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi" Bán số đề trái phép".

Ngày 19/12/2019 bị Công an phường L, thị xã B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Đánh bạc trái phép". Tất cả các lần bị xử phạt Trần Thị M đã chấp hành nộp phạt đầy đủ.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú- Có mặt

*** Những người làm chứng**:

1/ Anh Ninh Ngọc T- sinh năm 1968

Đ/c: Thôn Cổ Đam, phường L, thị xã B, tỉnh T(Vắng mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị V- sinh năm 1955

Đ/c: Thôn Cổ Đam, phường L, thị xã B, tỉnh T(Vắng mặt)

*** Người chứng kiến:** Ông Phạm Văn X- sinh năm 1965

Đ/c: Thôn Cổ Đam, phường Lam S, thị xã B, tỉnh T(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17giờ 50 phút, ngày 21/12/2021 Tổ công tác Công an thị xã B làm nhiệm vụ tại đường T, thôn C, phường L, thị xã B bắt quả tang Trần Thị M đang có hành vi bán số lô, số đề trực tiếp trái phép cho Ninh Ngọc T, Nguyễn Thị V. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang.

** Tang vật, tài sản thu giữ của Trần Thị M:*

- 01 máy tính CASIO -FX-500

- 04 bảng tổng hợp số lô, đề được ghi vào các tờ giấy bao gồm: 02 tờ giấy A4; 01 tờ được ghi vào mặt sau của tờ lịch đề ngày 20/12/2021; 01 tờ giấy kẻ ngang kích thước (16 x 14 x 7 x 6)cm;

- Tiền Việt Nam đồng 2.850.000 đồng gồm: 03 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng; 04 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng; 03 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng; 03 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng; 05 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật tài liệu của Trần Thị M. Kết quả

khám xét thu giữ tại nhà Mai số tiền 13.000.000 đồng, ngoài ra không thu giữ đồ vật tài liệu gì thêm.

Quá trình điều tra Trần Thị M khai nhận:

Do nghỉ hưu nhà ở ngay mặt đường nên Trần Thị M mở cửa hàng tạp hóa, bán sim, thẻ điện thoại để có thêm thu nhập. Thông qua bán sim, thẻ điện thoại thấy có nhiều khách có nhu cầu hỏi mua số đề, số lô nên khi được một nam giới tên T đặt vấn đề bán số đề, số lô rồi chuyển cho T trước 18 giờ hằng ngày, Trần Thị M thấy có lợi đã đồng ý nhận ghi số đề, số lô cho T. Ngày 20/12/2021 do mới ghi nên chưa có khách. Ngày 21/12/2021 Trần Thị M đã bán trái phép số đề, số lô, xiên, ba càng cho khách không quen biết và bán số đề cho Ninh Ngọc T, Nguyễn Thị V cụ thể:

Bán số đề cho khách không quen biết tổng 276 số đề thu được 2.951.000 đồng.

Số lô bán được 100 điểm gồm: số 30 bán 10 điểm; các số 56, 65, 00, 55 mỗi số bán 5 điểm; các số 67,76 mỗi số bán 15 điểm; số 69 bán 30 điểm; số 86 bán 10 điểm, mỗi điểm lô bán 22.500 đồng. Tổng số tiền bán lô Mai thu được: 100 điểm x 22.500 đồng = 2.250.000 đồng.

Số xiên, ba càng gồm: cặp 44,42 khách mua 20.000 đồng, cặp số 74, 44 khách mua 20.000 đồng; cặp 39, 37 khách mua 200.000 đồng, tổng số tiền bán số xiên là 240.000 đồng. Số ba càng khách mua 01 số 607 = 50.000 đồng.

Bán cho Ninh Ngọc T 01 số đề số 44 thu 120.000 đồng. Trần Thị M chưa kịp ghi các đề đưa lại cho T thì bị bắt quả tang.

Bán cho Bà Nguyễn Thị V gồm 109 số đề thu 496.000 đồng. Trần Thị M chưa kịp lập các bảng số đề bà V đưa vào bảng tổng hợp đề của M thì bị lực lượng công an bắt quả tang.

Như vậy tổng số tiền Trần Thị M bán số đề, số lô xiên, ba càng trái phép cho khách không quen biết, cho Ninh Ngọc T và Nguyễn Thị V thu được là 385 số đề, 100 điểm lô, 03 cặp số xiên, 01 ba càng thu: 6.107.000 đồng cụ thể: tiền ghi đề 3.567.000 đồng, tiền ghi số lô 2.250.000 đồng, số xiên 240.000 đồng, số 3 càng 50.000đồng.

Tại bản kết luận giám định số 485/PC09 ngày 19/01/2022 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T xác định: 18 tờ tiền Việt Nam có tổng giá trị 2.850.000 đồng gồm: 03 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng; 04 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng; 03 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng; 03 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng; 05 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng đều là tiền thật.

Ngày 21/12/2021 chưa có kết quả sổ số Trần Thị M bị bắt và chưa kịp chuyển bảng lô, đề cho T nên tổng số tiền Trần Thị M phải chịu trách nhiệm là: (3.567.000đ + 2.250.000đ + 240.000đ + 50.000đ) = 6.107.000 đồng.

Người mua số đề Ninh Ngọc T khai: Hồi 17 giờ 30 phút N đến quán nhà Trần Thị M hỏi mua 01 số đề, số 44 với giá 120.000 đồng, M đồng ý nhận tiền của T và ghi vào tờ bảng tổng hợp của M chưa kịp viết các đề đưa lại cho T thì bị bắt quả tang.

Người mua số đề Nguyễn Thị V khai: khoảng 17 giờ 30 phút V đến nhà Trần Thị M để mua số đề. Bà V đã mua của M tổng 109 số đề hết 496.000 đồng. Khi bà V đang đọc cho M ghi các đề thì bị lực lượng công an bắt quả tang, bà V chưa kịp thanh toán tiền cho bà M.

Đối với hành vi mua số đề của Ninh Ngọc T và Nguyễn Thị V do tổng số tiền dùng để đánh bạc dưới 5.000.000 đồng. Cả T và V đều chưa có tiền án, tiền sự về loại tội phạm này, khi bị bắt chưa có kết qủa sổ số, vì vậy không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Ngày 21/02/2022 Công an thị xã B đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Ninh Ngọc T và Nguyễn Thị V.

Theo M khai người nhận bảng đề của M tên T, khoảng 40 tuổi, đi xe Wave đến giao dịch với M không để lại địa chỉ, số điện thoại, việc giao dịch không ai thấy, ai biết nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra và xử lý sau.

Quá trình tại ngoại, trong giai đoạn truy tố Trần Thị M đã tự nguyện giao nộp số tiền Cơ quan CSĐT Công an thị xã B đề nghị truy thu sung công quỹ Nhà nước.

** Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ:*

Số tiền Việt Nam 13.000.000 đồng thu giữ trong nhà Trần Thị M, qua điều tra xác định đây là số tiền lương hưu của M không liên quan đến hành vi đánh bạc, vì vậy Cơ quan CSĐT Công an thị xã B ra quyết định xử lý, giao trả lại cho chủ sở hữu theo quy định.

Toàn bộ tang vật của vụ án gồm: 01 máy tính CASIO-FX-500 và Tiền Viện Nam 2.850.000 đồng gồm: 03 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng; 04 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng; 03 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng; 03 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng; 05 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B bảo quản, chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số:21/CT-VKSBS ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B truy tố bị cáo Trần Thị M đã phạm vào tội "*Đánh bạc*". Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát duy trì công tố giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

a) Về trách nhiệm hình sự:

* Hình phạt chính:

- Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Trần Thị M phạm tội "*Đánh bạc*" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS, tuyên phạt bị cáo Trần Thị M từ 03 đến 06 tháng tù .

* Hình phạt bổ sung: Bị cáo Trần Thị M là lao động chính trong gia đình, điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS.

b) Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS và Điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS: 01 máy tính CASIO-FX-500, máy cũ, đã qua sử dụng và số tiền 6.107.000đ là công cụ, phương tiện phạm tội và số tiền do phạm tội mà có nên đề tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước(Tang vật trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã B).

c/ Án phí HSST: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện chứng cứ, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên và bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã B, tỉnh T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh T, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa những người làm chứng vắng mặt. Bị cáo và đại diện Viện kiểm sát không đề nghị HĐXX hoãn phiên tòa. Trong quá trình điều tra đã đầy đủ lời khai của người làm chứng, việc vắng mặt của những người làm

chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ 45 phút ngày 21/12/2021 Trần Thị M đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức bán số lô, số đề tại cửa hành tạp hóa của gia đình. Tổng số tiền Trần Thị M đánh bạc trái phép là 6.107.000 đồng. Hành vi của bị cáo Trần Thị M đã đủ yếu tố cấu thành tội " Đánh bạc" tội phạm và hình phạt được quy định xử lý tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

[3] Xét tính chất vụ án: Đây là vụ án có tính chất ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến trật tự công cộng là khách thể được luật hình sự bảo vệ. Hiện nay các tệ nạn xã hội như mại dâm, ma túy, lô đề, cờ bạc đang là vấn đề hết sức nhức nhối cho xã hội đòi hỏi mỗi người công dân phải nêu cao tinh thần tự giác đấu tranh cùng với Nhà nước loại trừ tệ nạn trên. Chính mỗi tệ nạn là tiền đề cho tệ nạn khác phát triển và là nguồn gốc phát sinh các loại tội phạm. Bị cáo chỉ vì hám lợi mà vi phạm pháp luật. Hơn nữa, bị cáo đã 4 lần bị bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc đã được xóa tiền sự tuy nhiên vẫn tiếp tục dấn thân vào con đường phạm tội, chứng tỏ bản chất bị cáo là khó cải tạo. Hành vi phạm tội của bị cáo không những đã xâm phạm trật tự công cộng còn gây dư luận xấu và ảnh hưởng không tốt đến quần chúng nhân dân trên địa bàn. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo bằng một mức án nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục và đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS:

- Tình tiết tăng nặng TNHS*:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS.

- Tình tiết giảm nhẹ TNHS: Bị cáo Trần Thị M có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng Quá trình điều tra bị cáo tự nguyện giao nộp khoản tiền 3.257.000đ là tiền do phạm tội mà có tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã B. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn chồng chết sớm, bị cáo một mình nuôi con nhưng đã tự nguyện đóng 1.000.000 đồng để ủng hộ quỹ phòng chống Covid- 19 tại phường Lam Sơn góp phần chung tay với Đảng bộ, chính quyền và nhân dân phường L quyết tâm đẩy lùi dịch bệnh, đưa cuộc sống trở lại trạng thái bình thường mới. Do đó bị cáo được hưởng tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xét thấy bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với số tiền ít, tổng số tiền 6.107.000đ. Vì vậy, khi lượng hình cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

Sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của bị cáo nên cần thiết phải cách ly bị cáo M ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là lao động chính trong gia đình, điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS và Điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS: 01 máy tính CASIO- FX-500 máy cũ đã qua sử dụng và số tiền 6.107.000đ(đã chuyển qua TK 3949 của Chi cục Thi hành án ngày 01/3/2022 và đã nộp theo biên lai thu số: AA/2021/0002897 ngày 25/02/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã B) là công cụ, phương tiện phạm tội và tiền do phạm tội mà có cần tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước:

* Án phí HSST bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* **Tuyên bố***:* Bị cáo Trần Thị M phạm tội " Đánh bạc"

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 50, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt: Trần Thị M 03(Ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

*** Xử lý vật chứng***:* Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS và Điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS;

- Tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước:

+ 01 máy tính CASIO- FX-500. Máy cũ đã qua sử dụng.

+ Số tiền 2.850.000đ(Hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) và số tiền 3.257.000đ(Ba triệu, hai trăm năm bảy nghìn đồng).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/03/2022 và theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0002897 ngày 25/02/2022 bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã B).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo buộc bị cáo Trần Thị M phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm(16/3/2022).

Nơi nhận:
- *VKSND Thị xã B ;*
- *VKS nhân dân tỉnh T*
- *Sở tư pháp tỉnh T*
- *Cơ quan ĐTCA B*
- *THA Dân sự TX B;*
- *Bị cáo*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TỐNG THỊ HÀ